TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 13 - 01 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Danh.

Ông Nguyễn Văn Ngư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Vy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty tài chính J. Địa chỉ trụ sở: Lầu xx, Tòa nhà C, xx-xx Đường K, phường S, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Y, chức vụ: Tổng giám đốc.

- *Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:* Ông Hứa Minh T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 11-11-2022). (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Từ Gia P, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số nhà xx, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn Công ty tài chính J trình bày:

Vào ngày 06-12-2021, Công ty tài chính J (viết tắt là Công ty J) và ông Từ Gia P giao kết hợp đồng tín dụng số 49270002206946000. Theo hợp đồng tín

dụng, Công ty J cho ông P vay số tiền 18.990.825 đồng. Thời hạn cho vay 15 tháng, từ ngày 06-12-2021 đến ngày 28-02-2023. Mục đích vay để mua xe máy. Lãi suất thỏa thuận 4,9756%/tháng (59,7079%/năm). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức cho vay từng lần. Phương thức trả nợ, chuyển khoản hoặc tiền mặt. Kỳ trả nợ theo tháng, số tiền thanh toán theo kỳ 1.838.610 đồng, số tiền thanh toán kỳ cuối 1.399.621 đồng. Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 11-01-2022 ông P thanh toán cho Công ty J số tiền 1.836.616 đồng, gồm: Nợ gốc 1.112.096 đồng, lãi trong hạn 714.514 đồng, lãi quá hạn 10.006 đồng. Sau đó, ông P không tiếp tục thanh toán tiền vay, khoản vay đã phát sinh nợ lãi quá hạn. Do đó, Công ty J khởi kiện yêu cầu ông P thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày khởi kiện (ngày 22-7-2022) là 24.356.413 đồng, gồm: Nợ gốc 17.878.729 đồng, lãi trong hạn 5.957.074 đồng, lãi quá hạn 436.610 đồng, phí quản lý khoản vay 84.000 đồng và tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí đến khi hết nợ.

- *Đối với bị đơn ông Từ Gia P:*

Ông P đã được cấp, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của Công ty J.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Công ty J yêu cầu ông P thanh toán số tiền còn nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13-01-2023) là 30.758.584 đồng, gồm: Nợ gốc 17.878.729 đồng, lãi trong hạn 11.075.231 đồng, lãi quá hạn 1.648.624 đồng, phí quản lý khoản vay 156.000 đồng và tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi hết nợ.

Ông P đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Công ty J khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Từ Gia P thanh toán nợ vay, tiền lãi, phí phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Theo hợp đồng tín dụng, ông P cư trú tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp vụ

án: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là bà Kim Thị Cẩm H. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy vụ án không thuộc các trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Từ Gia P vắng mặt không có lý do. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu vẫn tiền hành xét xử vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, ông P đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Công ty J yêu cầu ông P thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 30.758.584 đồng, gồm: Nợ gốc 17.878.729 đồng, lãi trong hạn 11.075.231 đồng, lãi quá hạn 1.648.624 đồng, phí quản lý khoản vay 156.000 đồng. Ông P không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của Công ty J. Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 06-12-2021 Công ty J và ông P đã giao kết hợp đồng tín dụng số 49270002206946000, việc giao kết hợp đồng do các bên tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu vay vốn để mua xe máy của ông P và nhu cầu cấp tín dụng cho vay của Công ty J nên cần buộc các bên phải thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín tụng đã giao kết.

[5] Công ty J đã giải ngân cho ông P vay số tiền 17.878.729 đồng. Theo hợp đồng tín dụng, Công ty J và ông P thỏa thuận lãi suất vay 4,9756%/tháng (59,7079%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cho vay 15 tháng. Kỳ hạn trả nợ theo tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ 1.838.610 đồng, số tiền thanh toán kỳ cuối 1.399.621 đồng, ngày thanh toán đầu tiên là ngày 31-12-2021. Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 11-01-2022 ông P chỉ thanh toán cho Công ty J số tiền 1.836.616 đồng thì không thanh toán tiền vay như đã thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay, vi phạm thỏa thuận thanh toán khoản vay quy định tại Điều 8, Điều 3 của hợp đồng tín dụng.

[6] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), phù hợp với quy định tại Điều 9 của Thông tư số: 43/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Thống đốc Ngân hàng

Nhà nước Việt Nam quy định cho vay tiêu dùng của Công ty tài chính (sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số: 18/2019/TT-NHNN ngày 04-11-2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Đồng thời, Công ty J đã xác định đúng thời điểm vi phạm nghĩa vụ, đã tính đúng số tiền lãi và các khoản phí mà ông P chưa thanh toán phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Do đó, Công ty J yêu cầu ông P phải thanh toán số tiền còn nợ đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 30.758.584 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Kể từ ngày 14-01-2023, ông P còn phải chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 49270002206946000 ngày 06-12-2021 cho đến khi thanh toán xong.

[8] Về án phí sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty J được chấp nhận nên Công ty J không phải chịu án phí sơ thẩm. Ông P phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty J được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Điểm b Khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính J, buộc ông Từ Gia P phải thanh toán cho Công ty tài chính J số tiền 30.758.584 đồng (bằng chữ: Ba mươi triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng), gồm:

- Nợ gốc: 17.878.729 đồng (bằng chữ: Mười bảy triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng);

- Lãi trong hạn: 11.075.231 đồng (bằng chữ: Mười một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng);

- Lãi quá hạn: 1.648.624 đồng (bằng chữ: Một triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng);

- Phí quản lý khoản vay: 156.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày 14-01-2023, ông Từ Gia P còn phải chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 49270002206946000 ngày 06-12-2021 cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Từ Gia P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.538.000 đồng (bằng chữ: Một triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Công ty tài chính J không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty tài chính J số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005693 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thành Đạt